

Số: **01/2021/QĐST-HNGĐ**

Thanh Miện, ngày 29 tháng 01 năm 2021

**QUYẾT ĐỊNH
SƠ THẨM GIẢI QUYẾT VIỆC DÂN SỰ**

V/v yêu cầu huỷ kết hôn trái pháp luật và công nhận quan hệ hôn nhân

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THANH MIỆN, TỈNH HẢI DƯƠNG

Thành phần giải quyết việc dân sự gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên họp: Ông Phạm Đức Chính.

Thư ký phiên họp: Ông Đào Quang Khuyến -Thư ký Toà án nhân dân huyện Thanh Miện, tỉnh Hải Dương.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Miện, tỉnh Hải Dương tham gia phiên họp: Bà Nguyễn Thị Diên - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 01 năm 2021, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Thanh Miện, tỉnh Hải Dương mở phiên họp sơ thẩm công khai giải quyết việc dân sự thụ lý số: 01/2021/TLST-VDS, ngày 15 tháng 01 năm 2021 về việc “Yêu cầu huỷ việc kết hôn trái pháp luật và công nhận quan hệ hôn nhân” theo Quyết định mở phiên họp sơ thẩm giải quyết việc dân sự số: 01/2021/QĐST-VDS ngày 20 tháng 01 năm 2021, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- ***Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:*** Ủy ban nhân dân (UBND) xã T, huyện T, tỉnh Hải Dương.

Người đại diện theo pháp luật của người yêu cầu giải quyết việc dân sự: Ông Vũ Thế Tuấn - Chủ tịch UBND xã T, huyện T, tỉnh Hải Dương; vắng mặt (có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt).

- ***Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đồng thời là người yêu cầu giải quyết việc dân sự:*** Anh Vũ Khánh Q, sinh ngày 12/9/1987 và chị Nguyễn Thị H, sinh ngày 01/11/1991; nơi cư trú: Thôn L, xã T, huyện T, tỉnh Hải Dương; đều vắng mặt (có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt)

NỘI DUNG VIỆC DÂN SỰ

UBND xã T, huyện T, tỉnh Hải Dương có đơn yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Thanh Miện huỷ việc kết hôn trái pháp luật giữa anh Vũ Khánh Q và chị Nguyễn Thị H vì xác định: Trong giấy chứng nhận kết hôn số 40 ngày 01 tháng 9 năm 2008 của UBND xã T, huyện T ghi anh Vũ Khánh Q, sinh ngày 12/9/1987 kết hôn với chị Nguyễn Thị H, sinh ngày 01/01/1990 không đúng với ngày, tháng, năm sinh của chị Nguyễn Thị H được thể hiện trong căn cước công dân, sổ hộ khẩu gia đình, giấy khai sinh, bằng Tiểu học, bằng tốt nghiệp Trung học cơ sở của chị H đều sinh ngày 01/11/1991. Như vậy tại thời điểm đăng ký kết hôn ngày 01/9/2008, anh Q được 20 tuổi 11 tháng 19 ngày đủ tuổi đăng ký kết hôn. Chị H được 16 tuổi 10 tháng chưa đủ tuổi đăng ký kết hôn theo Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000 (nam từ 20 tuổi trở lên, nữ từ 18 tuổi trở lên mới đủ tuổi đăng ký kết hôn). Để đủ tuổi đăng ký kết hôn chị H đã khai là sinh ngày 01/01/1990, không đúng với ngày, tháng, năm sinh thực tế của

chị. Do người làm thủ tục đăng ký kết hôn căn cứ vào lời khai của anh Q và giấy xác nhận tình trạng hôn nhân của UBND xã T, huyện B, tỉnh Hải Dương cung cấp đối với chị H mà không yêu cầu họ xuất trình chứng minh nhân dân và sổ hộ khẩu gia đình để kiểm tra, đối chiếu cho chính xác dẫn đến việc đăng ký kết hôn trái pháp luật. Phát hiện việc đăng ký kết hôn và đã cấp giấy chứng nhận kết hôn cho anh Q, chị H là trái pháp luật, người đại diện theo pháp luật của UBND xã T, huyện T, tỉnh Hải Dương có đơn yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Thanh Miện hủy việc kết hôn trái pháp luật giữa anh Q, chị H, căn cứ vào giấy chứng nhận kết hôn số 40 ngày 01 tháng 9 năm 2008 của UBND xã T, huyện T, tỉnh Hải Dương.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đồng thời là người yêu cầu trình bày: Anh chị được tự do tìm hiểu, tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện T, tỉnh Hải Dương ngày 01/9/2008. Anh Q, chị H khi biết UBND xã T, huyện T có đơn yêu cầu hủy việc kết hôn trái pháp luật đối với anh chị, anh chị cũng xác định việc kết hôn giữa anh và chị, thời điểm đăng ký kết hôn chị H chưa đủ tuổi đăng ký kết hôn là vi phạm điều kiện kết hôn về độ tuổi, anh chị đồng ý với yêu cầu của UBND xã T, huyện T và không có ý kiến gì. Việc ghi chị Nguyễn Thị H, sinh ngày 01/01/1990 trong Giấy chứng nhận kết hôn là do chị khai để đủ tuổi được đăng ký kết hôn. Trong quá trình chung sống vợ chồng sinh được 03 con chung là Vũ Ngọc N, sinh ngày 08/8/2009; Vũ Quyết T, sinh ngày 11/8/2013 và Vũ Quang H, sinh ngày 23/3/2019. Hiện tại anh chị chung sống hạnh phúc, có con chung và tài sản chung; vì thế, năm sinh của chị H ghi trong giấy Chứng nhận kết hôn không đúng với các giấy tờ khác dẫn đến cuộc sống của anh chị và các con bị ảnh hưởng. Vì vậy, anh chị đề nghị Tòa án nhân dân huyện Thanh Miện công nhận quan hệ hôn nhân cho anh chị kể từ thời điểm chị H đủ tuổi kết hôn theo quy định của pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Miện tham gia phiên họp phát biểu ý kiến về việc giải quyết việc dân sự: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán - Chủ tọa phiên họp và Thư ký phiên họp, việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ việc dân sự cho đến trước thời điểm Thẩm phán ra quyết định giải quyết việc dân sự là đúng quy định của pháp luật. Đề nghị Tòa án nhân dân huyện Thanh Miện áp dụng: Điều 8, 10, 11 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC- BTP ngày 06/01/2016 của Tòa án nhân dân Tối Cao, Viện Kiểm sát nhân dân Tối Cao, Bộ Tư Pháp hướng dẫn thi hành một số quy định của Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 370, 371 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 6 Luật Phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015; điểm d khoản 2 Điều 11; khoản 1 Điều 37 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Không chấp nhận đơn yêu cầu của UBND xã T, huyện T, tỉnh Hải Dương.

Công nhận quan hệ hôn nhân giữa anh Vũ Khánh Q, sinh ngày 12/9/1987, chị Nguyễn Thị H, sinh ngày 01/11/1991, tại thời điểm anh chị đủ điều kiện kết hôn là ngày 01/11/2009.

Về lệ phí giải quyết việc dân sự: UBND xã T, huyện T, tỉnh Hải Dương không phải chịu lệ phí theo quy định. Anh Q, chị H có đơn yêu cầu Tòa án công nhận vợ chồng nên phải chịu 300.000 đồng lệ phí giải quyết việc dân sự, được trừ vào tiền tạm ứng lệ phí đã nộp.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ việc dân sự được thẩm tra tại phiên họp; Ý kiến của người yêu cầu và đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Miện tại phiên họp, Tòa án nhân dân huyện Thanh Miện, tỉnh Hải Dương nhận định:

[1] *Về Tố tụng và thẩm quyền giải quyết*: Anh Vũ Khánh Q và chị Nguyễn Thị H đều có hộ khẩu thường trú: Thôn L, xã T, huyện T, tỉnh Hải Dương. UBND xã T, huyện T, tỉnh Hải Dương là nơi cấp Giấy chứng nhận kết hôn trái pháp luật cho anh Q, chị H vì vậy UBND xã T, huyện T có đơn yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Thanh Miện hủy việc kết hôn trái pháp luật giữa anh Q, chị H, căn cứ theo giấy chứng nhận kết hôn số 40 ngày 01 tháng 9 năm 2008 đã cấp cho anh Q, chị H. Anh Q, chị H có đơn yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Thanh Miện, tỉnh Hải Dương công nhận quan hệ hôn nhân của anh chị kể từ thời điểm chị H đủ điều kiện kết hôn theo quy định của pháp luật. Căn cứ theo Điều 10, Điều 11 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014; khoản 1 Điều 29, điểm b khoản 2 điều 35, điểm g khoản 2 điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự việc Tòa án nhân dân huyện Thanh Miện, tỉnh Hải Dương thụ lý việc dân sự là đúng thẩm quyền. Đại diện UBND xã T, chị Nguyễn Thị H vắng mặt nhưng đã có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt tại phiên họp là phù hợp với quy định tại khoản 2,3 Điều 367 Bộ luật tố tụng dân sự, nên Tòa án mở phiên họp vắng mặt họ.

[2] *Về nội dung*: Yêu cầu hủy việc kết hôn trái pháp luật (kèm theo Giấy chứng nhận kết hôn của anh Q, chị H ngày 01/9/2008) của UBND xã T, huyện T và yêu cầu công nhận quan hệ hôn nhân của anh Q, chị H kể từ thời điểm đủ điều kiện kết hôn là có căn cứ chấp nhận. Căn cứ các tài liệu có trong hồ sơ như sổ hộ khẩu, căn cước công dân, giấy khai sinh của anh Q, chị H và bằng Tiểu học, bằng tốt nghiệp Trung học cơ sở của chị H đã có đủ căn cứ chứng minh tại thời điểm đăng ký kết hôn ngày 01/9/2008, anh Q sinh ngày 12/9/1987 được 20 tuổi 11 tháng 19 ngày đủ tuổi đăng ký kết hôn. Chị Nguyễn Thị H sinh ngày 01/11/1991 được 16 tuổi 10 tháng chưa đủ tuổi đăng ký kết hôn, do vậy chị H đã khai tăng tuổi sinh ngày 01/01/1990 để đủ tuổi đăng ký kết hôn. Do sơ suất trong việc kiểm tra lý lịch cán bộ đăng ký kết hôn là ông Vũ Khánh Q - Cán bộ hộ tịch và ông Vũ Khánh H - Phó Chủ tịch UBND xã T không kiểm tra giấy chứng minh nhân dân, sổ hộ khẩu gia đình của chị H chỉ căn cứ vào giấy xác nhận tình trạng hôn nhân của UBND xã T, huyện B, tỉnh Hải Dương, UBND xã T đã đăng ký kết hôn cho anh Q, chị H, tại giấy chứng nhận kết hôn số 40 ngày 01 tháng 9 năm 2008, ghi họ tên vợ Nguyễn Thị H, sinh ngày 01/01/1990 không đúng với ngày, tháng, năm sinh thực tế của chị H là ngày 01/11/1991. Việc kết hôn đó đã vi phạm vào Điều 9 Luật hôn nhân gia đình năm 2000. Theo Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000, tại Điều 9 quy định: “Nam từ 20 tuổi trở lên, nữ từ 18 tuổi trở lên”. Như vậy có đủ căn cứ xác định tại

thời điểm đăng ký kết hôn ngày 01/9/2008 chị H chưa đủ tuổi đăng ký kết hôn. Việc UBND xã T đã đăng ký kết hôn cho anh Q, chị H là trái với quy định của pháp luật. Do vậy UBND xã T, huyện T có đơn yêu cầu Tòa án Tòa án nhân dân huyện Thanh Miện hủy việc kết hôn trái pháp luật là có căn cứ chấp nhận theo khoản 6 Điều 3, Điều 8, 10, 11 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Tuy vậy, tại thời điểm yêu cầu hủy việc kết hôn trái pháp luật, anh Q, chị H đều xác định anh chị đã có đủ điều kiện kết hôn, anh chị chung sống hòa thuận, hạnh phúc không có mâu thuẫn gì và có với nhau 03 con chung và tài sản chung nhưng vì ngày, tháng, năm sinh của chị H không khớp nhau nên đã ảnh hưởng đến cuộc sống của anh, chị và các con anh chị. Anh Q, chị H đều thống nhất đề nghị Tòa án nhân dân huyện Thanh Miện công nhận quan hệ hôn nhân cho anh chị kể từ thời điểm chị H đủ điều kiện kết hôn theo quy định của pháp luật. Yêu cầu công nhận hôn nhân là hoàn toàn tự nguyện và hợp pháp theo quy định tại khoản 2 Điều 11 Luật hôn nhân gia đình năm 2014; khoản 1, điểm a khoản 2 Điều 4 Thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06/01/2016 của Tòa án nhân dân tối cao, Viện Kiểm sát nhân dân tối cao, Bộ Tư Pháp hướng dẫn thi hành một số quy định của Luật Hôn nhân và gia đình, vì vậy không cần hủy việc kết hôn trái pháp luật mà công nhận quan hệ hôn nhân giữa anh Vũ Khánh Q và chị Nguyễn Thị H kể từ thời điểm chị H đủ điều kiện kết hôn là ngày 01/11/2009.

Ủy ban nhân dân xã Thanh Tùng có trách nhiệm ghi vào sổ hộ tịch việc thay đổi hộ tịch của anh Q, chị H theo quy định tại điểm đ khoản 2 Điều 3, Điều 30, Điều 31 Luật hộ tịch số 60/2014/QH13 ngày 20/11/2014.

Về con chung, tài sản chung, anh chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Chị Nguyễn Thị H, sinh ngày 01/11/1991 (thể hiện trong Căn cước công dân, sổ Hộ khẩu gia đình, Giấy khai sinh, bằng Tiểu học và bằng tốt nghiệp Trung học cơ sở) nhưng trong giấy chứng nhận kết hôn ghi sinh ngày 01/01/1990 và trong giấy khai sinh của cháu Vũ Quyết T ghi mẹ Nguyễn Thị H, sinh năm 1990 chị đã có đơn đề nghị và được UBND xã T xác nhận là của cùng một người.

[4] Về lệ phí giải quyết việc dân sự: UBND xã T, huyện T, tỉnh Hải Dương không phải chịu lệ phí sơ thẩm giải quyết việc dân sự; anh Vũ Khánh Q và chị Nguyễn Thị H có đơn yêu cầu công nhận quan hệ hôn nhân kể từ thời điểm đủ điều kiện kết hôn nên phải chịu lệ phí giải quyết việc dân sự theo quy định của pháp luật.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 5, Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000; khoản 6 Điều 3, Điều 8, 10, 11 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 1, điểm a khoản 2 Điều 4 Thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06/01/2016 của Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Bộ tư pháp hướng dẫn thi hành một số quy định của Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 149, 370, 371 Bộ luật tố tụng dân sự; Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

1. Không chấp nhận yêu cầu của Ủy ban nhân dân xã Thanh Tùng, huyện Thanh Miện, tỉnh Hải Dương về việc yêu cầu hủy việc kết hôn trái pháp luật của anh Vũ Khánh Q và chị Nguyễn Thị H.

2. Chấp nhận yêu cầu của anh Vũ Khánh Q, chị Nguyễn Thị H: Công nhận quan hệ hôn nhân giữa anh Vũ Khánh Q, sinh ngày 12/9/1987 và chị Nguyễn Thị H, sinh ngày 01/11/1991; nơi cư trú: thôn L, xã T, huyện T, tỉnh Hải Dương kể từ thời điểm chị H đủ điều kiện kết hôn theo quy định của pháp luật là ngày 01 tháng 11 năm 2009.

3. Về lệ phí: UBND xã T, huyện T, tỉnh Hải Dương không phải chịu lệ phí sơ thẩm giải quyết việc dân sự. Anh Vũ Khánh Q và chị Nguyễn Thị H phải chịu lệ phí giải quyết việc dân sự là 300.000 đồng, được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí 300.000 đồng anh Q đã nộp theo Biên lai số: AA/2018/0002267 ngày 15/01/2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Thanh Miện, tỉnh Hải Dương. Anh Q, chị H đã nộp đủ lệ phí.

4. Quyền kháng cáo, kháng nghị: Người yêu cầu, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo quyết định trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận được quyết định hoặc quyết định được niêm yết; Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp có quyền kháng nghị quyết định trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày ra quyết định; Viện kiểm sát nhân dân cấp trên trực tiếp có quyền kháng nghị trong hạn 15 ngày kể từ ngày ra Quyết định.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Thanh Miện;
- VKSND tỉnh Hải Dương;
- UBND xã T, huyện T;
- Chi Cục THADS huyện Thanh Miện;
- Những người yêu cầu;
- Lưu Hồ sơ

THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN HỢP

Phạm Đức Chính